Họ tên:

BÀI TẬP TUẦN 2B

Bài 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S

a. Trong hai phân số có cùng mẫu số phân số nào có tử số lớn hơn thì phân số đó bé hơn.

b. Phân số có tử số lớn hơn mẫu số là phân số lớn hơn 1; phân số có tử số bé hơn mẫu số là phân số bé hơn 1

c. Muốn cộng hai phân số cùng mẫu số, ta cộng hai tử số với nhau và cộng hai mẫu số với nhau.

d. Muốn trừ hai phân số có cùng mẫu số ta trừ tử số của phân số thứ nhất cho tử số của phân số thứ hai và giữ nguyên mẫu số.

Bài 2: Chọn các phân số thập phân

$\frac{3}{100}$; $\frac{19}{4}$; $\frac{5}{1000}$; $\frac{7}{10}$; $\frac{9}{40}$; $\frac{49}{700}$

Bài 3: Điền dấu >; < ; = vào chỗ chấm**:**

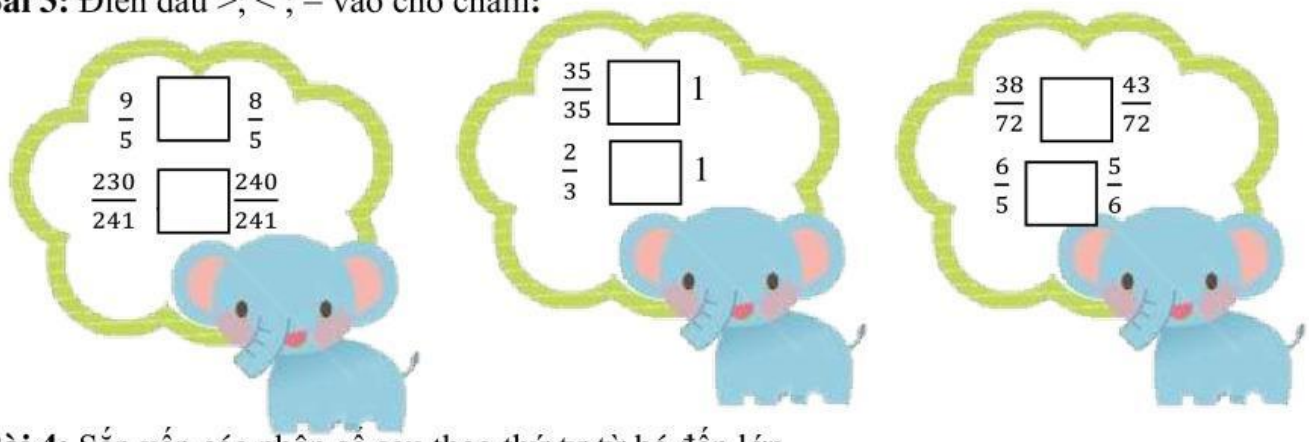

Bài 4: Sắp xếp các phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn

a) $\frac{2}{5}$; $\frac{4}{7}$; $\frac{8}{35}$ □ □ □

b) $\frac{12}{12}$; $\frac{5}{3}$; $\frac{2}{9}$; $\frac{5}{9}$; □ □ □ □

Bài 5: Điền các số thích hợp vào chỗ chấm:

$\frac{3}{4} = \frac{\quad}{100}$ $\frac{6}{12} = \frac{\quad}{2} = \frac{\quad}{10}$ $\frac{12}{20} = \frac{\quad}{10}$ $\frac{20}{100} = \frac{200}{\quad}$

LIVEWORKSHEETS

Bài 6: Chuyển các phân số sau thành phân số thập phân

$\frac{3}{2}$ = ____ $\frac{13}{4}$ = ____ $\frac{5}{25}$ = ____ $\frac{13}{50}$ = ____ $\frac{49}{700}$ = ____

Bài 7: Tìm chữ số thích hợp để điền vào ô trống

-	8	0	7	1	9	
	5	4		1	6	8
	2	6	4		2	5

	1		0	5	2
x				4	
	7	8	3	1	2
5	2	2	0		
6	0	0	3	9	2

Bài 8: Tìm các giá trị của a và b để $\overline{7a8b}$ cùng chia hết cho 2, 3 và 5

7	8

Bài 9: Cho biết số học sinh khối 5 tham gia các môn thể thao ở Câu lạc bộ thể thao của trường Tiểu học Kim Đồng như sau:

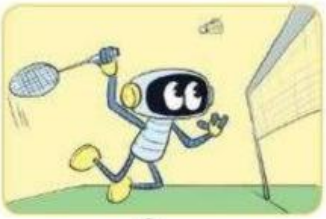

Bóng rổ: $\frac{1}{5}$ số HS khối 5 Cầu lông: $\frac{2}{5}$ số HS khối 5 Bóng đá: $\frac{4}{15}$ số HS khối 5 Võ: $\frac{1}{3}$ số HS khối 5

a) Môn có số học sinh khối 5 tham gia nhiều nhất.

b) Môn Cầu lông có số học sinh tham gia gấp đôi số học sinh tham gia môn

c) Xếp tên môn thể thao của học sinh khối 5 theo thứ tự nhiều học sinh tham gia đến ít học sinh tham gia.

LIVEWORKSHEETS